

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA

MÔN: LUẬT THƯƠNG MẠI 1

Mục đích

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

Nội dung hướng dẫn

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học. Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

Phần 2: Cách thức ôn tập. Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra. Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án. Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

PHẦN 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Ở học phần này, sinh viên sẽ tìm hiểu về những quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động, giải thể đối với các loại hình thương nhân. Đây là những chủ thể chủ yếu trong quan hệ pháp luật về thương mại. Các loại hình thương nhân được chia làm 3 nhóm và phân làm ba chương:

Chương 1: Các loại hình doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp tư nhân.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
- Công ty cổ phần.
- Nhóm công ty.

Chương 2: Hợp tác xã.

- Hợp tác xã.
- Liên hiệp hợp tác xã.

Chương 3: Hộ kinh doanh.

- Hộ kinh doanh do một cá nhân là chủ sở hữu.
- Hộ kinh doanh do một hộ gia đình làm chủ sở hữu.
- Hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân làm chủ sở hữu.

PHẦN 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Thứ nhất, sinh viên cần xác định mục đích và nội dung của việc nghiên cứu môn học là tìm hiểu các quy định của pháp luật về việc thành lập, tổ chức hoạt động, tổ chức lại, giải thể đối với các loại hình thương nhân trên.

Thứ hai, sinh viên cần xác định các nguồn luật chủ yếu điều chỉnh các loại hình thương nhân này như sau:

- Đối với các loại hình doanh nghiệp: bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, các loại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn

2 thành viên trở lên và công ty cổ phần được điều chỉnh chủ yếu trong luật doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trong một số trường hợp đặc biệt, các doanh nghiệp này sẽ được điều chỉnh trong các luật chuyên ngành phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp đó.

- Đối với Hợp tác xã và Liên Hiệp hợp tác xã: được quy định trong Luật Hợp Tác xã 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với hộ kinh doanh: hiện nay chưa có luật điều chỉnh riêng mà được quy định trong Nghị định số 43/2010/NĐ- CP.

Thứ ba, sinh viên cần dành thời gian để đọc qua các văn bản này trong suốt quá trình học ít nhất 4 lần: lần thứ nhất đọc lướt qua nhanh để nắm các phần, các chương, mục...; lần thứ hai đọc chậm lại và chú ý các điều khoản quan trọng như: phạm vi, đối tượng điều chỉnh, giải thích thuật ngữ và hiệu lực thi hành và các điều khoản khác để trả lời các câu hỏi đã được vạch ra; các lần kế tiếp đọc để nhớ và kiểm tra lại kiến thức cũng như tìm thấy những bất cập trong các quy định .v.v.

Thứ tư, sinh viên cần phải lập ra một sườn bài chung theo đó trả lời những câu hỏi cơ bản(những tiêu chí chung) sau cho tất cả các loại hình thương nhân trên:

- Khái niệm.
- Đặc điểm về tư cách pháp lý: chủ thể có quyền thành lập là cá nhân, tổ chức? Có tư cách pháp nhân hay không? Chế độ trách nhiệm hữu hạn hay vô hạn đối với chính thương nhân đó và chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu.
- Đăng ký kinh doanh: điều kiện đăng ký kinh doanh? Hồ sơ đăng ký kinh doanh? Những trường hợp không được làm chủ sở hữu, người quản lý đối với từng loại hình thương nhân? Cơ quan đăng ký kinh doanh? Thời hạn đăng ký kinh doanh? Cách đặt tên...
- Đặc điểm về vốn: nghĩa vụ góp vốn của các chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu, quyền tăng giảm vốn điều lệ, quyền chuyển nhượng, tặng cho, để thừa kế phần vốn góp...

- Đặc điểm về kết nạp thành viên¹ mới: quyền kết nạp thành viên mới, điều kiện kết nạp, những trường hợp chấm dứt tư cách thành viên, những trường hợp không cần hoặc cần phải có sự đồng ý của các thành viên còn lại...

- Đặc điểm về cơ cấu tổ chức: các cơ quan, chức danh buộc phải có đối với mỗi loại hình thương nhân, quyền và nghĩa vụ và chức năng của từng cơ quan? Người đại diện theo pháp luật?...

- Đặc điểm về tổ chức lại đối với tất cả các loại hình thương nhân: quyền tổ chức lại? điều kiện? tổ chức theo cách thức nào? Hậu quả pháp lý ?...

- Đặc điểm về giải thể: điều kiện giải thể? Chủ thể có quyền quyết định? Hậu quả pháp lý?...

...

Thứ năm, sau khi đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trên dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên cần có những sự so sánh đối với những loại hình này để rút ra được những ưu nhược điểm của từng loại hình thương nhân dựa trên những tiêu chí trên. Đây cũng là cách để sinh viên có thể lĩnh hội và nhớ được kiến thức thật dễ dàng và nhanh chóng.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA/THI:

Đề thi thường có cấu trúc từ hai hoặc 3 phần: phần câu hỏi nhận định đúng sai và bài tập vận dụng hoặc câu hỏi nhận định đúng/ sai, phần tự luận và phần bài tập vận dụng.

Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, và sẽ mất thời gian. Chép bài của người khác hoặc chép bài lẫn nhau sẽ không được tính điểm.

Khi làm bài cần căn cứ vào cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý đang có hiệu lực pháp luật. Không cần làm bài theo thứ tự. Sinh viên cần xem xét thang điểm và thời gian để phân bổ cho hợp lý.

- Phần nhận định đúng/sai và giải thích: sinh viên cần căn cứ vào cơ sở pháp lý và giải thích ngắn gọn từ 2 đến 5 dòng cho mỗi câu nhận định.

¹ Đối với công ty cổ phần là cổ đông.

- Phần tự luận: lập luận chặt chẽ, dựa trên những cơ sở lý luận chung, trích dẫn hợp lý, tập trung phân tích vấn đề, tránh lạc đề.

- Phần bài tập: cần xác định rõ yêu cầu và trả lời tập trung, không tự tạo ra dữ kiện trừ khi câu hỏi muốn hướng đến điều này.

Khi lập luận cần phải đưa ra cơ sở pháp lý rõ ràng. Trường hợp luật chưa rõ ràng cần phải nêu quan điểm nhất quán của mình.

PHẦN 4. ĐỀ THI MẪU (có phần gợi ý trả lời mẫu):

1. ĐỀ THI MẪU (Thời gian: 90 phút, được phép tham khảo tài liệu)

Câu 1: So sánh Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức với Hội đồng hành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ? (2 đ)

Câu 2: Những nhận định sau đây đúng hay sai?(6 đ)

- a. Cán bộ, Công chức theo Luật Cán bộ, Công chức có quyền là chủ tịch công ty trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân.
- b. Bất kỳ thành viên nào trong công ty hợp danh đều có quyền là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- c. Trong công ty trách cổ phần, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần mà không cần sự đồng ý của các cổ đông còn lại.
- d. Trong hợp tác xã, thành viên có thể là cá nhân, tổ chức trong mọi trường hợp.

Câu 3: Phân Bài tập(2 đ)

Ông Nguyễn Thành Nam bỏ vốn thành lập doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng bạc đá quý.

- a. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, chủ ở hữu doanh nghiệp cần được nhà nước cấp loại giấy nào được thành lập doanh nghiệp và được kinh doanh.
- b. Ông Kim Thành Nam có quyền thuê giám đốc quản lý công ty hay không? cơ sở pháp lý? Ai sẽ là người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra từ những hợp đồng được được giám đốc ký khi vượt quá phạm vi ủy quyền của chủ sở hữu.

2. ĐÁP ÁN

Câu 1: So sánh Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức với hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Giống nhau: là cơ quan quản lý công ty. (2 đ)

Khác nhau: - Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức bao gồm những cá nhân được chủ sở hữu bổ nhiệm để quản lý công ty, họ không phải là chủ sở hữu công ty và làm việc theo ý chí của chủ sở hữu công ty và nhận lương theo hợp đồng lao động hoặc thù lao từ sự ủy quyền của chủ sở hữu công ty. Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là những đồng sở hữu của công ty, có quyền quyết định các vấn đề của công ty và nhận những khoản lợi tức từ hoạt động kinh doanh của công ty.

Câu 2: Những nhận định sau đây đúng hay sai?(6 đ)

a. Cán bộ, Công chức theo Luật Cán bộ, Công chức có quyền là chủ tịch công ty trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân.

SAI. Điều 13 Và khoản 13 điều 4 luật Doanh nghiệp 2005)

b. Bất kỳ thành viên nào trong công ty hợp danh đều có quyền là người đại diện theo pháp luật của công ty.

SAI. chỉ có thành viên hợp danh, còn thành viên góp vốn thì không được. (Khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 2005)

c. Trong công ty trách cổ phần, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần mà không cần sự đồng ý của các cổ đông còn lại.

SAI. Đối với cổ đông ưu đãi biểu quyết và cổ đông sáng lập không được quyền chuyển nhượng (Khoản 3 Điều 81 và Khoản 5 Điều 84).

d. Trong hợp tác xã, thành viên có thể là cá nhân, tổ chức trong mọi trường hợp.

SAI. Đối với hợp tác xã tạo việc làm thì thành viên chỉ là cá nhân. (Điểm a Khoản 1 Điều 13 Luật Hợp tác Xã).

Câu 3: Phần Bài tập(2 đ)

Ông Nguyễn Thành Nam bỏ vốn thành lập doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng bạc đá quý.

Khi thành lập doanh nghiệp, ông Nam phải đi đăng ký thành lập doanh nghiệp và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; kinh doanh vàng bạc đá quý là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện nên ông nam cần phải xin phép và được cấp giấy phép kinh doanh mới được kinh doanh.(1đ)

Ông Kim Thành Nam có quyền thuê giám đốc quản lý công ty (Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2005). Khi có thiệt hại xảy ra từ hợp đồng do giám đốc ký vượt quá phạm vi ủy quyền, chủ sở hữu vẫn phải chịu trách nhiệm trước các đối tác. Chủ sở hữu có quyền kiện đòi giám đốc khi vi phạm những thỏa thuận trong hợp đồng ủy quyền hoặc hợp đồng lao động với chủ sở hữu.(Khoản 2 và Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp) (1đ).

Hết.

- Đánh giá điểm

Câu 1: Mỗi ý đúng đạt 01 điểm

Câu 2: Nhận định đúng (0,5đ); giải thích đúng (0,5đ); cơ sở pháp lý ((0,5đ),

Câu 3: Mỗi ý đúng (01đ)